

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm). Hãy chọn đáp án đúng cho các câu sau:**Câu 1.** Người ta phân chia các loại vải thường dùng trong may mặc làm mấy loại?

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 2. Vải len có nguồn gốc từ

- A. sợi lông cừu. B. gỗ tre, nứa. C. sợi tơ tằm. D. thân cây lanh.

Câu 3. Đặc điểm của vải sợi thiên nhiên là

- A. ít thấm hút mồ hôi. B. giặt mau khô. C. mặc thoáng mát. D. ít bị nhàu.

Câu 4. Loại trang phục **không** phân loại theo lứa tuổi là trang phục

- A. trẻ em. B. trung niên. C. cho người già. D. mùa thu.

Câu 5. Trang phục truyền thống cô giáo mặc khi đến lớp là

- A. bà ba. B. vest. C. áo dài. D. áo khoác.

Câu 6. Có mấy cách phân loại trang phục?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 7. Loại vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động, kiểu may rộng rãi dùng cho đối tượng nào sau đây?

- A. Trẻ em. B. Người già. C. Thanh niên. D. Trung niên.

Câu 8. Phong cách thời trang là

A. hiểu và cảm thụ được cái đẹp, truyền tải được thông điệp về cái đẹp đến mỗi người.

B. phong cách ăn mặc của cá nhân mỗi người và tạo nên xu hướng mới.

C. sự thay đổi các kiểu quần áo không được số đông ưa chuộng trong một thời gian.

D. những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một thời gian nhất định.

Câu 9. Phong cách thời trang là cách ăn mặc theo

A. nhu cầu thẩm mỹ và điều kiện kinh tế.

B. sở thích và lứa tuổi

C. nhu cầu thẩm mỹ và sở thích.

D. lứa tuổi và điều kiện kinh tế.

Câu 10. Theo em, bộ trang phục bên dưới thể hiện phong cách thời trang nào?

A. Trẻ em.

B. Học đường.

C. Thể thao.

D. Đơn giản.

Câu 11. Khi lựa chọn trang phục, để tạo cảm giác “cao lên, gầy đi” nên chọn vải có đặc điểm

A. màu sáng, hoa to, mặt vải mờ đục.

B. màu sẫm, hoa nhỏ, mặt vải mờ đục

C. màu xanh, sọc ngang, vải trơn láng.

D. màu vàng nhạt, vải trơn láng.

Câu 12. Em thường bảo quản trang phục bằng cách

A. giặt, ủi, phơi, cất giữ.

B. làm sạch, làm phẳng, cất giữ.

C. làm phẳng, cất giữ, phơi.

D. làm khô, làm phẳng, cất giữ.

Câu 13. Dây đốt nóng của bàn là có chức năng gì?

A. Cung cấp điện năng cho bàn là hoạt động.

B. Tạo sức nóng dưới tác dụng của dòng điện.

C. Làm cho đồ nhanh khô hơn.

D. Cách điện với bên ngoài.

Câu 14. Bảng mạch LED có vai trò

A. bảo vệ bảng mạch LED.

B. biến đổi điện áp.

C. phát ra ánh sáng khi cấp điện.

D. cấp điện cho đèn.

Câu 15. Vỏ bàn là có công dụng

A. bảo vệ các bộ phận bên trong bàn là.

B. sưởi ấm các bộ phận bên trong bàn là.

C. trang trí cho hình dạng của bàn là.

D. tạo sức nóng dưới tác dụng của dòng điện.

Câu 16. Bộ phận chứa động cơ điện của máy xay là

A. lưỡi dao.

B. bộ phận điều khiển.

C. thân máy.

D. cối xay.

Câu 17. Máy xay thực phẩm gồm những bộ phận chính nào?

A. Thân máy, cối xay, bộ phận điều khiển.

B. Thân máy, cối xay lớn, cối xay nhỏ.

C. Thân máy, cối xay, dây đốt nóng.

D. Dây đốt nóng, cối xay, bộ phận điều khiển

Câu 18. Trong quá trình là (ủi), nếu tạm dừng cần

A. đặt bàn là dựng đứng hoặc đặt vào đế cách nhiệt.

B. đặt mũi bàn là hướng lên hoặc dựng bàn là dựng đứng.

C. đặt bàn là đứng, mũi hướng lên hoặc đặt vào đế cách nhiệt.

D. dựng bàn là đứng trên các bộ quần áo đang là.

Câu 19. Quy trình sử dụng bàn là gồm có mấy bước?

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 2.

Câu 20. Nguyên lí làm việc của đèn LED theo thứ tự nào dưới đây?

A. Phát ra ánh sáng → Cấp điện cho đèn → Bộ nguồn → Bảng mạch LED.

B. Bộ nguồn → Bảng mạch LED → Phát ra ánh sáng → Cấp điện cho đèn.

C. Cấp điện cho đèn → Bộ nguồn → Bảng mạch LED → Phát ra ánh sáng.

D. Bảng mạch LED → Bộ nguồn → Cấp điện cho đèn → Phát ra ánh sáng.

Câu 21. Cấu tạo của bàn là có mấy bộ phận chính?

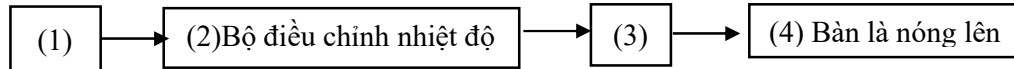
A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 22. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là.



A. (1) cấp điện cho bàn là; (3) dây đốt nóng.

B. (1) lựa chọn tốc độ; (3) dây đốt nóng.

C. (1) dây đốt nóng lên; (3) cấp điện cho bàn là.

D. (1) dây đốt nóng; (3) lựa chọn tốc độ.

Câu 23. 220V là thông số kĩ thuật gì của nồi cơm điện?

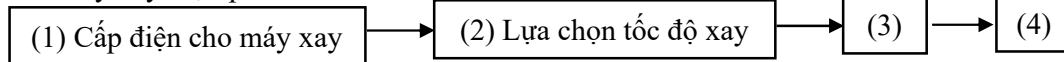
A. Trọng lượng.

B. Dung tích.

C. Sải cánh.

D. Điện áp định mức.

Câu 24. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm.



A. (3) Điện truyền vào động cơ máy xay; (4) Lắp thân máy xay để xay thực phẩm.

B. (3) Điện truyền vào động cơ máy xay; (4) Lưỡi dao trong cối quay để xay thực phẩm.

C. (3) Điện truyền vào động cơ máy xay; (4) Bộ điều chỉnh nhiệt độ.

D. (3) Lắp thân máy xay; (4) Lưỡi dao trong cối quay để xay thực phẩm.

Câu 25. Đồ dùng nào sau đây biến điện năng thành quang năng?

A. Bàn là.

B. Đèn điện.

C. Quạt điện.

D. Máy hút bụi.

Câu 26. Trên bao bì tủ lạnh có ghi 300W- 220V, em hãy cho biết ý nghĩa của các thông số kĩ thuật ghi trên tủ lạnh?

A. Công suất định mức và điện áp định mức.

B. Công suất định mức và thời gian bảo hành.

C. Điện áp định mức và thời gian bảo hành.

D. Màu sắc và thời gian bảo hành.

Câu 27. Để tiết kiệm điện năng nhiều nhất em cần lựa chọn bóng đèn điện nào dưới đây?

A. Sợi đốt.

B. LED.

C. Huỳnh quang.

D. Compact.

Câu 28. Hiệu suất phát quang của đèn huỳnh quang ống như thế nào so với đèn sợi đốt?

A. Cao hơn.

B. Thấp hơn.

C. Như nhau.

D. Khó xác định.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm).

Câu 29 (2,0 điểm).

Một cửa hàng đồ dùng điện có bán các loại đèn bàn sau:



a) Đèn LED có công suất
định mức là 4W



b) Đèn compact có công suất
định mức là 11W



c) Đèn sợi đốt có công suất
định mức là 60W

Giả sử các loại đèn này phát ra ánh sáng có cường độ như nhau, để tiết kiệm điện em sẽ chọn chiếc đèn nào làm đèn học ở nhà? Vì sao?

Câu 30 (1,0 điểm).

Vì sao tuổi thọ của đèn sợi đốt thấp?

_____ **HẾT** _____

Họ và tên thí sinh: Số báo danh: